

Bản án số: 63/2021/DS-PT
Ngày: 26 - 02 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng;
Ông Nguyễn Tấn Tạng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/9/2020, 26/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2020/TLPT-DS ngày 23/4/2020 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 328/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Phong D, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số nhà 69, Khóm 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D là: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 319, Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2020) (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Võ Thị K, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Số nhà 569, ấp Hưng Hòa, xã Tân Khánh Trung, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K là: Ông Võ Minh V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 6/30, đường Nguyễn Quang Diêu, Tổ 7, Khóm 1, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K là: Luật sư Nguyễn Cao Hiền – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tuyên Thụy Và Công Sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Tấn Minh T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà 569, ấp Hưng Hòa, xã Tân Khánh Trung, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Hồng L, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 319, Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 373, ấp Tân Trong, xã Tân Mỹ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Dương Phong D trình bày:

Vào ngày 08/5/2008 ông có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị K 5.450m² đất, gồm thửa số 133, diện tích 2.930m² và thửa 134 (do Nguyễn Bá Nhi đứng tên) diện tích 2.520m², cùng tờ bản đồ số 01, đất tại xã Tân Khánh Trung, huyện L. Do đất chuyển nhượng là ao nên khi hai bên đo đạc để xác định diện tích thì có thừa 452m² so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa nêu trên. Do đó, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng thêm phần đất này. Theo thỏa thuận giá đất chuyển nhượng là 85.000 đồng/m². Ông đã thanh toán đủ tiền chuyển nhượng cho bà K và thủ tục chuyển nhượng thửa đất 133 và 134 đã hoàn thành theo quy định. Bên bà K

cũng đã giao thửa đất 133 và 134 cho ông sử dụng xong. Đối với phần diện tích $452m^2$ do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thủ tục chuyển nhượng chưa được tiến hành, bên ông chưa được bà K giao đất để sử dụng.

Theo xác nhận ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Trung thì: Thửa đất 133, tờ bản đồ số 1 theo bản đồ địa chính 299, do hộ bà Võ Thị K đứng tên quyền sử dụng đã lập thủ tục chứng thực chuyển nhượng cho ông Dương Phong D hết thửa 133. Thửa đất 134, tờ bản đồ số 1, theo bản đồ địa chính 299, do hộ ông Nguyễn Bá Nhi đứng tên quyền sử dụng đất đã được lập thủ tục chứng thực chuyển nhượng hết thửa 134 cho ông Dương Phong D. Riêng phần diện tích $452m^2$ CLN, thuộc thửa 135, tờ bản đồ số 1, theo bản đồ địa chính 299, do hộ bà Võ Thị K đứng tên sử dụng đất chưa được lập thủ tục chứng thực chuyển nhượng tại UBND xã Tân Khánh Trung.

Ông đã trả tiền đủ cho bên bà K là $452m^2 \times 85.000đ = 38.420.000đ$. Việc trả tiền có 03 biên nhận do anh Nguyễn Tấn Minh T (Con bà K) ký nhận vào ngày 27/01/2011 là 14.500.000đ, 28/02/2011 là 20.000.000đ và 16/3/2011 là 3.920.000đ. Vì vậy, ông yêu cầu bà Võ Thị K và anh Nguyễn Tấn Minh T trả lại cho ông 38.420.000 đồng và lãi tính từ ngày 16/3/2011 đến ngày 31/10/2018 là $104 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 39.956.800 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 78.376.800 đồng.

- Bị đơn bà Võ Thị K trình bày:

Vào tháng 4/2008 bà và ông Dương Phong D có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao cá như sau:

Thửa số 133, tờ bản đồ số 1, diện tích $2.930m^2$ (Thửa này bà đứng tên); thửa 134, tờ bản đồ số 1 diện tích là $2.520m^2$ (Bà chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá Nhi nhưng chưa sang tên); phần đất thửa diện tích là $452m^2$; đất bãi bồi từ $400m^2$ đến $600m^2$. Theo hợp đồng thì bà đã giao toàn bộ diện tích đất cho ông D. Đồng thời, ông D chịu trách nhiệm làm thủ tục sang tên. Đến tháng 8/2008 thủ tục chuyển nhượng đất của bà và ông Nhi sang tên ông D đã xong. Theo thỏa thuận thì ông D phải trả hết số tiền còn lại cho bà, nhưng ông D không trả nên bà đã kiện ông D đến Tòa án huyện L. Tại bản án số 13 ngày 22/4/2011 xử lý về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong đó có $452m^2$ đất thừa. Như vậy, phần đất thừa $452m^2$ bà đã giao cho

ông D từ tháng 8/2008 khi ký xong hợp đồng và ông D đã đưa máy khoan đất đào ao nuôi cá từ năm 2008. Đến khi ông L chuyển nhượng đất này cho ông Nguyễn Ngọc L1 mới phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình tranh chấp, năm 2013 ông Nguyễn Hồng L được ông D ủy quyền yêu cầu bà làm thủ tục sang tên phần 452m² đất thừa cho ông D đứng tên. Lúc đó đã được Tòa án hòa giải thành và bà chấp nhận hỗ trợ thủ tục sang tên cho ông D. Đến năm 2013 thủ tục sang tên cho ông D phần đất thừa không thực hiện được, do con của bà là Nguyễn Tấn Hùng không ký tên vào hồ sơ. Đến năm 2016 ông D tiếp tục làm đơn yêu cầu bà làm thủ tục chuyển nhượng cho ông phần đất này.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ông L1 đang sử dụng thửa 121 (Tương ứng thửa 133) là 3.056m², thửa 122 (Tương ứng thửa 134) diện tích 2.581m², tổng cộng là 5.637m². Tổng diện tích thửa 133 và 134 bà K chuyển nhượng cho ông D là 5.450m² (Tăng 187m²).

Do đó, việc ông D yêu cầu trả lại số tiền chuyển nhượng 452m² đất thừa và tiền lãi là không hợp lý vì bà đã giao đất xong. Bà không đồng ý theo yêu cầu của ông D, vì hiện nay diện tích đất của bà đã được Tòa án đo đạc lại, thực tế chỉ có 7.463m² so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.880m². Như vậy, diện tích đất của bà bị thiếu đúng với diện tích đất thừa đã giao cho ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Tấn Minh T trình bày: Anh T thống nhất theo lời trình bày của bà K và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D.

+ Ông Nguyễn Hồng L trình bày: Ông L thống nhất với lời trình bày của ông D. Ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

+ Anh Nguyễn Ngọc L1 trình bày: Năm 2015 anh có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hồng L hai thửa đất số 121 và thửa 122. Đến năm 2016 thì anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất trên. Thửa 121 là 3.056m² và thửa 122 là 2.581m², cùng tờ bản đồ 5, với giá 85.000đồng/m². Việc chuyển nhượng đất là hợp pháp đúng theo quy định, nên anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Phong D.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Phong D và bà Võ Thị K đối với diện tích 452m² thửa 135, tờ bản đồ số 01 vô hiệu.

Buộc bà Võ Thị K và anh Nguyễn Tấn Minh T trả cho ông Dương Phong D 38.420.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 30.036.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 68.456.000 đồng (Sáu mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2020 bà Võ Thị K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện L. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Phong D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Võ Thị K thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bà không đồng ý trả cho ông D số tiền chuyển nhượng đất 38.420.000đ, lãi 30.036.000đ, tổng cộng là 68.456.000đ.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K phát biểu ý kiến cho rằng bà K đã giao đủ diện tích đất chuyển nhượng cho ông D và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại yêu cầu của ông D theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà K, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều thừa nhận vào ngày 22/4/2008 bà Võ Thị K với ông Dương Phong D có làm “Hợp đồng mua bán” bằng giấy tay để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo đó, bà K chuyển nhượng cho ông D phần đất ao nuôi cá thuộc thửa số 133, diện tích 2.930m^2 và thửa 134, diện tích 2.520m^2 , cùng tờ bản đồ số 01, tổng cộng là 5.450m^2 , với giá $85.000\text{đ}/\text{m}^2$. Khi hai bên tự đo đạc để xác định diện tích chuyển nhượng thì có chênh lệch thửa 452m^2 so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng luôn phần đất thừa 452m^2 cũng với giá là $85.000\text{đ}/\text{m}^2$ và giao thêm phần đất đất bãi bồi khoảng từ 400m^2 đến 600m^2 cho ông D với giá $30.000.000\text{đ}$. Tổng cộng số tiền chuyển nhượng là $531.670.000\text{đ}$. Thời gian trả tiền thỏa thuận đợt 1: Ông D trả cho bà K $260.000.000\text{đ}$ khi hai bên ký ký hợp đồng làm thủ tục chuyển nhượng. Đợt 2: Trả hết số tiền còn lại khi hai bên làm thủ tục chuyển nhượng xong.

Ngày 08/5/2008 hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với thửa 133, 134 và đã thực hiện xong. Ông D đã trả cho bà K được $270.000.000\text{đ}$. Việc thực hiện thủ tục chuyển nhượng chỉ căn cứ vào diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do chuyển nhượng hết thửa nên cơ quan chuyên môn không đo đạc thực tế và bà K giao đất cho ông D theo hiện trạng sử dụng.

[2] Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng xong, do gia đình bà K tranh chấp số tiền chuyển nhượng còn lại chưa trả, nên ông D không biết phải trả tiền cho ai. Do đó, việc trả tiền theo thỏa thuận bị chậm trễ dẫn đến việc anh Hùng (Con bà K) và bà K khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền chuyển nhượng còn lại là $261.670.000\text{đ}$ cho mình. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vào năm 2011. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hùng và bà K rút một phần yêu cầu đối với số tiền chuyển nhượng $30.000.000\text{đ}$ đất bãi bồi và $38.420.000\text{đ}$ đất chênh lệch thửa 452m^2 để các đương sự tự thỏa thuận. Tòa án nhân dân huyện L đã ra Quyết định số 06/2011/QDST-DS đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của anh Hùng và bà K. Theo Bản án số 13/2011/DS-ST ngày 22/4/2011 của

Tòa án nhân dân huyện L và Bản án số 12/2012/DS-PT ngày 08/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì ông D phải trả cho bà K số tiền còn lại 189.000.000đ và tiền lãi 47.250.000đ, tổng cộng là 236.250.000đ.

Năm 2014 ông D chuyển nhượng cho ông L toàn bộ thửa đất số 133 và 134. Đến năm 2016 ông L chuyển nhượng lại cho anh L1 hai thửa đất này và anh L1 sử dụng cho đến nay. Theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 28/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì phần đất thực tế anh L1 đang sử dụng thửa 133 (Tương ứng thửa 121) là 3.034m² và thửa 134 (Tương ứng thửa 122) là 2.546m², tổng cộng là 5.580m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M10, M6, M7, M8, M1.

[3] Đối với diện đất 452m² bà K chuyển nhượng cho ông D với giá 38.420.000 đồng, thể hiện trong hợp đồng mua bán đất giữa bà K và ông D ngày 22/4/2008 và ngày 20/01/2011 bằng giấy tay, ông D cho rằng đã trả đủ cho bà K 38.420.000đ, nhưng bà K chưa giao đất cho ông nên yêu cầu bà K trả lại số tiền này và lãi.

Bà K cho rằng đã giao 452m² đất cho ông D xong thể hiện ở các mốc 7, 9, 4, 5, 10, 6 và trở về 7 theo sơ đồ đo đạc đất ngày 28/9/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L nên không đồng ý trả tiền lại theo yêu cầu của ông D.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự cho thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà K cụ thể như sau: Ngày 05/5/2008 bà K làm biên nhận nhận 240.000.000đ. Sau đó, anh Hùng (Con bà K) nhận 30.000.000đ, anh Nguyễn Tấn Minh T (Con bà K) nhận vào ngày 27/01/2011 là 14.500.000đ, ngày 28/02/2011 là 20.000.000đ và ngày 16/3/2011 là 3.920.000đ. Theo Bản số 13/2011/DS-ST ngày 22/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện L và Bản án số 12/2012/DS-PT ngày 08/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì ông D phải trả cho bà K 189.000.000đ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại. Do đó, tổng cộng ông D đã trả cho bà K là 497.420.000đ tương đương 5.852m² đất.

Căn cứ vào Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 28/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì phần đất thực tế bà K giao cho ông D thửa 133 (Tương ứng thửa 121) là 3.034m² và thửa 134 (Tương ứng thửa 122)

là 2.546m^2 , tổng cộng là 5.580m^2 . Ông D đã trả cho bà K được 497.420.000đ tương đương 5.852m^2 . Như vậy, bà K chỉ giao cho ông D được 5.580m^2 , còn thiếu $5.852\text{m}^2 - 5.580\text{m}^2 = 272\text{m}^2$. tương đương 23.120.000đ.

[4] Việc ông D cho rằng bà K chưa giao cho ông 452m^2 theo hợp đồng và yêu cầu bà K, anh T trả lại 38.420.000đ và lãi, tổng cộng 68.456.000đ là chỉ phù hợp một phần như đã phân tích ở trên. Còn bà K cho rằng đã giao đủ diện tích cho ông D từ khi làm thủ tục chuyển nhượng vào ngày 08/5/2008, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Do đó, bà K và anh T phải trả lại cho ông D tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là $272\text{m}^2 \times 85.000\text{đ} = 23.120.000\text{đ}$ và thiệt hại do không nhận được đủ diện tích đất bằng khoản tiền lãi kể từ ngày ông D giao đủ tiền cho bà K là ngày 16/3/2011 đến ngày ông D làm đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/10/2018 theo yêu cầu của ông D là 91 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng là $23.120.000\text{đ} \times 0,83\% \times 91 \text{ tháng} = 17.462.000\text{đ}$. Tổng cộng là 40.582.000đ.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà K, sửa bản án sơ thẩm là chỉ phù hợp một phần.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một kháng cáo của bà K, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà K, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do bà K là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho bà K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 423, Điều 427 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị K.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Dương Phong D.

Hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Phong D và bà Võ Thị K theo Hợp đồng mua bán ngày 24/4/2008 (Phản chênh lệch) và Giấy thỏa thuận mua bán ngày 20/01/2011).

4. Buộc bà Võ Thị K và anh Nguyễn Tấn Minh T liên đới trả cho ông Dương Phong D 23.120.000 đồng và tiền lãi là 17.462.000 đồng. Tổng cộng là 40.582.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Ông Dương Phong D phải chịu 1.393.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào tiền tạm ứng phí ông D đã nộp 960.500 đồng theo biên lai số 02142 ngày 19/12/2017 và 1.000.000 đồng theo biên lai số 0003264 ngày 12/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông D được nhận lại 566.800 đồng.

- Miễn tiền án phí dân sự cho bà Võ Thị K.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Bà Võ Thị K và anh Nguyễn Tấn Minh T liên đới chịu 3.690.500 đồng. Do ông D đã tạm ứng trước nên bà K và anh T phải liên đới trả lại cho ông D 3.690.500 đồng.

- Ông Dương Phong D chịu 3.690.500 đồng (Đã nộp xong).

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt